

Unit 16. Let's go to the bookshop

A. Structure - Cấu trúc

I. Chúng ta hãy làm gì đó.

• let • us • V - Verb	• đề, cho phép • chúng tôi, chúng ta • Động từ
• Let's + V. → Great idea! → Sorry. I'm busy. Let's = Let us	• Chúng ta hãy..... → Ý kiến hay đấy! → Xin lỗi. Tôi bận rồi.
*Example: • Let's go to the bookshop. → Great idea! • Let's go to the supermarket. → Sorry. I'm busy.	*Ví dụ: • Chúng ta hãy đi đến hiệu sách đi. → Ý kiến hay đấy! • Chúng ta hãy đi đến siêu thị đi. → Xin lỗi. Tôi bận rồi.

II. Tại sao muốn.....?

• Why? • S - Subject • <i>Pronouns:</i> ○ I ○ we ○ you ○ they ○ he ○ she ○ it • want to • V - Verb • Because.....	• Tại sao? • Chủ ngữ • <i>Đại từ:</i> ○ tôi ○ chúng tôi, chúng ta ○ bạn ○ họ, chúng ○ cậu ấy ○ cô ấy ○ nó • muốn • Động từ • Vì.....
• Why do + I/we/you/they + want to + V? → Because + I/we/you/they + want to + V... • Why does + he/she/it + want to + V? → Because + he/she/it + wants to + V...	• Tại sao...muốn...? → Vì muốn..... • Tại sao...muốn...? → Vì muốn.....
*Example: • Why do you want to go to the bookshop? → Because I want to buy some books. • Why does Linda want to go to the zoo? → Because she wants to see the animals. • Why do Tom and Tony want to go to the cinema? → Because they want to see a film.	*Ví dụ: • Tại sao bạn muốn đi đến hiệu sách? → Vì tôi muốn mua một vài cuốn sách. • Vì sao Linda muốn đi đến sở thú? → Vì cô ấy muốn xem những con vật. • Tại sao Tom và Tony muốn đi đến rạp chiếu phim? → Vì họ muốn xem phim.

B. New words - Từ mới

I. *go to + the + (địa điểm): đi đến.....*

1.

go to the bakery
(đi đến cửa tiệm bánh)



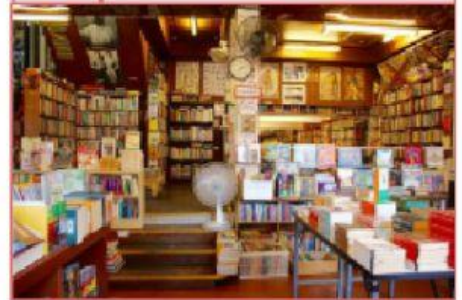
2.

go to the sweet shop
(đi cửa hàng kẹo)



3.

go to the bookshop
(đi nhà sách)



4.

go to the market
(đi đến chợ)



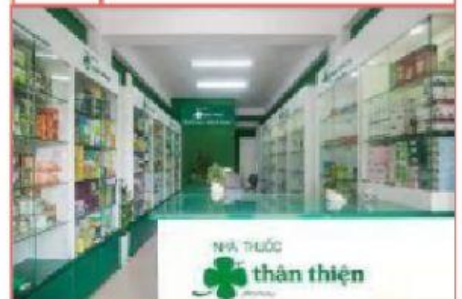
5.

go to the supermarket
(đi đến siêu thị)



6.

go to the pharmacy
(đi đến hiệu thuốc)



7.

go to the zoo
(đi đến sở thú)



8.

go to the cinema
(đi đến rạp chiếu phim)



9.

go to the swimming pool
(đi đến hồ bơi)



II. Activities - Các hoạt động

1	buy some bread	mua bánh
2	buy some sweets	mua kẹo
3	buy some books	mua sách
4	buy some food	mua đồ ăn
5	buy some medicine	mua thuốc
6	see the animals	xem thú
7	see a film	xem phim
8	swim	bơi

C. Phonics - Ngữ âm

**Syllables - Âm tiết*

One-syllable words (Từ có một âm tiết)	Two-syllable words (Từ có hai âm tiết)	Three-syllable words (Từ có ba âm tiết)	Four-syllable words (Từ có bốn âm tiết)
book (cuốn sách)	bookshop (hiệu sách)	bakery (tiệm bánh)	supermarket (siêu thị)
zoo (sở thú)	market (chợ, thị trường)	cinema (rạp chiếu phim)	calculator (máy tính)
film (bộ phim)	busy (bận rộn)	pharmacy (hiệu thuốc)	television (tivi)

1. I want to go to the bookshop because I want to buy a book and a calculator.
2. **Tom wants to go to the zoo because he wants to see the animals.**
3. Tony and Peter want to go to the cinema because they want to see a film.
4. **My mother is busy now. So, I'm going to the market to buy some vegetables.**
5. The bread in this bakery is delicious.
6. **Linda wants to go to the supermarket because she wants to buy some food and drinks.**